

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động Thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu như sau:

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

- Thương nhân là cá nhân kinh doanh mang quốc tịch Việt Nam và có hộ khẩu thường trú tại khu vực biên giới.

- Thương nhân là doanh nghiệp Việt Nam và hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

- Thương nhân là cá nhân kinh doanh mang quốc tịch của nước có chung biên giới, có một trong các giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Giấy Chứng minh thư biên giới, Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới, Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh khác được cấp theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Thương nhân là doanh nghiệp, hộ kinh doanh của nước có chung biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới.

2. Cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Phần II

CHÍNH SÁCH, SỬ DỤNG HOÁ ĐƠN VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI THƯƠNG NHÂN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ TẠI CHỢ BIÊN GIỚI, CHỢ CỬA KHẨU, CHỢ TRONG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Điều 3. Chính sách thuế đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh

1. Thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí và lệ phí khác theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

2. Thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu phải có đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa trước khi xuất bán đảm bảo hàng hóa nhập khẩu đã được nộp đủ các loại thuế ở khâu nhập khẩu theo quy định, cụ thể:

- Trường hợp hàng hóa mua gom của cư dân biên giới thì thương nhân phải có đủ tài liệu theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính để chứng minh hàng hóa thu mua gom đã hoàn thành thủ tục hải quan, nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định.

- Trường hợp hàng hóa do thương nhân trực tiếp nhập khẩu thì phải có đủ tài liệu theo quy định của Luật hải quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Trường hợp hàng hóa mua lại từ các tổ chức, cá nhân kinh doanh khác thì phải có hóa đơn do tổ chức, cá nhân bán hàng xuất bán theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

3. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân là doanh nghiệp được hoàn thuế giá trị gia tăng nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Điều 4. Sử dụng hoá đơn

1. Thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu phải sử dụng hóa đơn theo quy định. Khi bán hàng hóa có giá trị từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần thì phải xuất hóa đơn giao cho người mua và phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc hàng hóa. Trường hợp khi bán hàng hóa từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ “người mua không lấy hoá đơn” hoặc “người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế”.

Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Đối với thương nhân là hộ, cá nhân kinh doanh

Hộ, cá nhân kinh doanh tại khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu, trong khu kinh tế cửa khẩu phải lưu giữ đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Hàng tháng, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện kê khai doanh thu theo hóa đơn vào Báo cáo sử dụng hoá đơn theo mẫu số 01/BC-SDHĐ-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính và thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân phát sinh theo hóa đơn theo tháng (01 lần/tháng). Thời hạn nộp Báo cáo sử dụng hóa đơn và nộp tiền thuế chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo.

3. Đối với thương nhân là doanh nghiệp

- Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn đặt in hoặc hóa đơn mua của cơ quan thuế theo quy định hiện hành, sử dụng hóa đơn điện tử theo lộ trình của cơ quan thuế và phải thực hiện chế độ sổ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp theo quy định.

- Khi bán hàng hóa phải lập hóa đơn giao cho người mua theo quy định và phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc hàng hóa, phải lưu giữ đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

- Doanh nghiệp thực hiện nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (Mẫu 3.9 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính) theo tháng. Thời hạn nộp Báo cáo sử dụng hóa đơn chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo.

Điều 5. Khai, nộp thuế

1. Thương nhân là doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư này thực hiện khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo tháng; tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý và hết năm thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng.

2. Việc khai và nộp thuế theo phương pháp khoán của hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Doanh thu khoán của năm tính thuế được xây dựng trên cơ sở: mức doanh thu khoán năm trước; mức doanh thu do cá nhân tự khai; cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế; cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan; dự báo tình hình tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá; ý kiến tham vấn của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Quản lý thuế

Quá trình quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu, cơ quan thuế phải thực hiện kiểm tra hàng tháng, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau:

- Kiểm tra đối chiếu giữa báo cáo sử dụng hóa đơn (Báo cáo sử dụng hoá đơn theo mẫu số 01/BC-SDHD-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính) với tình hình sử dụng hóa đơn tại hộ kinh doanh. Trường hợp kiểm tra phát hiện có hành vi bán hàng hóa không xuất hóa đơn giao cho người mua thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế, xử phạt về hành vi trốn thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Kiểm tra giá trị hàng hóa xuất bán ghi trên hóa đơn: trường hợp tham khảo cơ sở dữ liệu về giá tham vấn của cơ quan hải quan và quy định của Luật Quản lý thuế có đủ tài liệu xác định giá trị hàng hóa xuất bán ghi trên hóa đơn không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định giá làm căn cứ xác định số thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hóa đơn.

- Trường hợp kiểm tra phát hiện doanh thu bán hàng hóa nhập khẩu, chủng loại hàng hóa không phù hợp với nguồn gốc hàng hóa, giá trị hàng hóa trên Tờ khai hải quan, hoặc hàng hóa thu gom chưa làm thủ tục hải quan, chưa nộp thuế đối với hàng hóa thu mua gom thì cơ quan thuế cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan xử lý truy thu thuế ở khâu nhập khẩu theo quy định.

Điều 7. Nguyên tắc phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan

Trong quá trình quản lý thuế cơ quan thuế thực hiện khai thác dữ liệu của cơ quan hải quan để đối chiếu với doanh thu do thương nhân xuất bán hàng hóa. Nếu qua đối chiếu thấy giá trị hàng hóa nhập khẩu và giá trị hàng hóa bán ra có dấu hiệu bất hợp lý (giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn doanh thu bán hàng hóa, hoặc doanh thu bán hàng hóa lớn nhưng giá trị hàng hóa nhập khẩu thấp) thì cơ quan thuế phối hợp cùng các cơ quan chức năng khác thực hiện kiểm tra kho hàng để xác định hàng hóa tồn kho đồng thời làm căn cứ để xác định điều chỉnh doanh thu khoán của hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế và xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Các nội dung khác về quản lý hóa đơn, quản lý thu thuế đối với thương nhân có hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu không được hướng dẫn tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung Thông tư này.
3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng Trung ương;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn